

Số: 44/2022/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 08 tháng 11 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức hỗ trợ một phần từ ngân sách nhà nước cho từng nội dung công việc cụ thể thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ CHÍN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021- 2025;

Căn cứ Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước;

Căn cứ Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số 195/TTr-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 244/BC-DT ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Ban Dân tộc của Hội đồng nhân dân tỉnh và thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ một phần từ ngân sách nhà nước cho từng nội dung công việc cụ thể thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh, Tổ đại biểu HĐND tỉnh và Đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La Khoá XV, Kỳ họp chuyên đề lần thứ chín thông qua ngày 08 tháng 11 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 18 tháng 11 năm 2022.
2. Trường hợp các văn bản trích dẫn tại Nghị quyết này hết hiệu lực thi hành hoặc có văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các quy định của văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc văn bản bãi bỏ văn bản đó./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính, Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTWQH;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và phát triển nông thôn;
- Ủy ban Dân tộc;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- TT HĐND, UBND, Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT: HĐND, UBND, Ủy ban MTTQVN các huyện, TP;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Các Trung tâm: Thông tin tỉnh, Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, DT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thái Hưng



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

mức hỗ trợ một phần từ ngân sách nhà nước cho từng nội dung công việc cụ thể thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 44/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ một phần từ ngân sách nhà nước cho từng nội dung công việc cụ thể thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025 (*sau đây gọi tắt là Chương trình*).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia lập, thực hiện kế hoạch trung hạn và hằng năm từ nguồn ngân sách nhà nước (*đầu tư phát triển, sự nghiệp*) thuộc Chương trình.
2. Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố, đơn vị liên quan sử dụng vốn ngân sách nhà nước (*đầu tư phát triển, sự nghiệp*) để thực hiện Chương trình.

Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Mức hỗ trợ một phần từ nguồn vốn đầu tư phát triển cho từng nội dung công việc cụ thể trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao

Hỗ trợ 98% đối với xã khu vực III và bản đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực I, khu vực II; Hỗ trợ 95% đối với xã khu vực II (*trừ các bản đặc biệt khó khăn*); 90% đối với các xã khu vực I (*trừ các bản đặc biệt khó khăn*) theo dự toán được duyệt để thực hiện dự án đầu tư xây dựng sau:

- a) Xây dựng đường đến trung tâm xã. ✓

b) Xây dựng đường giao thông đến bản, tiểu khu (*đường từ xã đến bản, liên bản, đường trục chính của bản*); Xây dựng đường nội bản, tiểu khu; Xây dựng đường trục chính nội đồng.

c) Xây dựng Nhà văn hoá xã, bản, khu thể thao tại các xã, bản đạt chuẩn.

d) Xây dựng chợ an toàn thực phẩm cấp xã theo quy định đạt chuẩn.

đ) Xây dựng cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở đạt chuẩn.

e) Xây dựng cảnh quan môi trường nông thôn: Xanh, sạch, đẹp (*bồn hoa, cây xanh, vỉa hè, chỉnh trang khu trung tâm, điện chiếu sáng đường trục chính, các hạng mục vệ sinh môi trường nông thôn*).

f) Xây dựng hạ tầng (*ngoài hàng rào*) các khu sản xuất tập trung, tiêu thụ công nghiệp, khu chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản tập trung.

g) Xây dựng hệ thống điện nông thôn đạt chuẩn.

h) Xây dựng hệ thống thủy lợi nội đồng đạt chuẩn.

i) Xây dựng các công trình hạ tầng thiết yếu phục vụ phòng, chống thiên tai của xã đạt chuẩn.

k) Xây dựng trường học đạt chuẩn.

m) Xây dựng trạm y tế xã đạt chuẩn.

n) Xây dựng các công trình cấp nước sạch sinh hoạt tập trung; nước sinh hoạt phân tán theo nhóm hộ, hộ gia đình.

o) Xây dựng các điểm tập kết, trạm trung chuyển, lò đốt chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn các xã, bản, tiểu khu.

p) Đầu tư, cải tạo, nâng cấp hệ thống thu gom, thoát nước thải, công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung và tại chỗ; trong đó có phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp bản, tiểu khu.

q) Xây dựng cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn: Chợ nông thôn hoặc cơ sở bán lẻ khác (*siêu thị mini hoặc cửa hàng tiện lợi hoặc cửa hàng kinh doanh tổng hợp*).

Điều 4. Mức hỗ trợ từ nguồn vốn sự nghiệp cho từng nội dung công việc cụ thể trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao

1. Chi hỗ trợ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước: 50% chi phí vật liệu, máy thi công và thiết bị để đầu tư xây dựng hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn, mức hỗ trợ không quá 40 triệu đồng/ha; 50% chi phí để san phẳng đồng ruộng, mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/ha.

2. Chi mua sắm, sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng của đài truyền thanh xã, phương tiện sản xuất các sản phẩm thông tin, tuyên truyền cho cơ sở truyền

thanh, truyền hình cấp huyện để đảm bảo yêu cầu của công tác thông tin, tuyên truyền theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt: 100% nhưng không quá 500 triệu đồng/dự án.

3. Chi hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn, bản, tiểu khu theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nội dung cụ thể thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 70% nhưng không quá 1.000 triệu đồng/dự án.

4. Hỗ trợ chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng cho các tổ chức, cá nhân: 100% nhưng không quá 1.000 triệu đồng/dự án.

5. Hỗ trợ không quá 5.000 triệu đồng thực hiện một (01) dự án/kế hoạch liên kết từ nguồn ngân sách nhà nước: Hỗ trợ 80% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn bản đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực I, khu vực II; 70% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn xã khu vực II (*trừ các bản đặc biệt khó khăn*); 50% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn xã khu vực I (*trừ các bản đặc biệt khó khăn*).

6. Hỗ trợ cho một (01) cơ sở, tổ chức, cá nhân theo dự án cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại được cấp có thẩm quyền phê duyệt: 50% tổng kinh phí hỗ trợ từ nguồn ngân sách Nhà nước nhưng không quá 500 triệu đồng/dự án.

7. Bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn thực hiện theo Quyết định số 801/QĐ-TTg ngày 07/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Hỗ trợ dự án bảo tồn và phát huy làng nghề truyền thống ở nông thôn: 50% nhưng không quá 500 triệu đồng/dự án. Nội dung chi hỗ trợ dự án: Mua nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất; thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo dự án; tập huấn cho người tham gia dự án, tổng kết dự án; quản lý dự án.

8. Thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới: Hỗ trợ dự án phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang tính đặc trưng vùng miền: 70% nhưng không quá 5.000 triệu đồng/dự án. Nội dung chi cụ thể thực hiện theo Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 và Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25/7/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

9. Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở:

a) Mua sắm các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao tại các thiết chế văn hóa, thể thao các cấp phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của địa phương. Mức hỗ trợ theo dự án được cấp có thẩm quyền

phê duyệt: Trung tâm Văn hóa cấp tỉnh: 1.000 triệu đồng/thiết chế; Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp huyện: 500 triệu đồng/thiết chế; Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã: 80 triệu đồng/thiết chế; Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn: 50 triệu đồng/thiết chế.

b) Hỗ trợ xây dựng tủ sách cho Thư viện cấp huyện; tủ sách cho Trung tâm Văn hóa, Thể thao cấp xã, Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn, bản, tiểu khu. Mức hỗ trợ theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Thư viện, tủ sách tại Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp huyện: 100 triệu đồng/01 tủ sách; Thư viện, tủ sách xã: 50 triệu đồng/01 tủ sách; Tủ sách thôn, bản, tiểu khu: 30 triệu đồng/tủ sách.

c) Hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với thiết chế văn hóa, thể thao xã, thôn và hỗ trợ kinh phí tổ chức hội thi văn hóa – văn nghệ, giải thể thao cấp xã, thôn. Mức hỗ trợ: Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã: Kinh phí tổ chức hội thi văn hóa – văn nghệ, giải thể thao cấp xã: 50 triệu đồng/01 năm; Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, bản, tiểu khu: Kinh phí tổ chức hội thi văn hóa – văn nghệ, giải thể thao thôn, bản, tiểu khu: 30 triệu đồng/01 năm.

10. Tổ chức các hoạt động hỗ trợ xây dựng mô hình, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các Chi hội, Tổ hội nghề nghiệp theo hướng dẫn của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam: 90% nhưng không quá 500 triệu đồng/chương trình, nhiệm vụ, dự án./.